

Số: /2025/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ một số hoạt động Y tế - Dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 296/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc Nghị quyết ban hành Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ một số hoạt động Chương trình Y tế - Dân số sử dụng ngân sách địa phương trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận và biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ một số hoạt động Y tế - Dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ một số hoạt động Y tế - Dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện do ngân sách nhà nước bảo đảm.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khoá XVI, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: YT, TC, TP;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Các Ban HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP khoá XVI;
- Các VP: TU, ĐDBQH&HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TTĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTH HP, Công báo TP; Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Hiệu

QUY ĐỊNH

Nội dung chi, mức chi hỗ trợ một số hoạt động Y tế - Dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho một số hoạt động Y tế - Dân số trên địa bàn thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn ngân sách địa phương để triển khai thực hiện một số hoạt động Y tế - Dân số (sau đây viết tắt là *Chương trình*).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhân viên y tế: Là công chức, viên chức, người lao động ký hợp đồng làm việc trong cơ quan và đơn vị y tế công lập hoặc các đối tượng khác có trình độ chuyên môn về y tế được cơ quan có thẩm quyền huy động trực tiếp thực hiện một số hoạt động chuyên môn thuộc Chương trình.

2. Bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn: Là bệnh nhân phong có kết quả xét nghiệm vi khuẩn âm tính và chỉ có có tối đa 5 tổn thương da, dây thần kinh trên cơ thể.

3. Bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn: Là bệnh nhân phong có kết quả xét nghiệm vi khuẩn dương tính và có trên 5 tổn thương da, dây thần kinh trên cơ thể.

4. Nhân viên tiếp cận cộng đồng: Là người trực tiếp tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV.

5. Xét nghiệm CD4: Là một xét nghiệm máu dùng để đo lường số lượng tế bào bạch cầu loại CD4 (còn gọi là tế bào T hỗ trợ) trong một lượng máu nhỏ. Xét nghiệm này giúp đánh giá tình trạng hệ miễn dịch, đặc biệt là ở người nhiễm HIV, để theo dõi mức độ ảnh hưởng của virus và hiệu quả điều trị.

6. Bảng hỏi Beck (hay Thang đánh giá trầm cảm Beck - Beck Depression Inventory, BDI): Là một công cụ sàng lọc, trắc nghiệm tâm lý được sử dụng rộng rãi để đo lường mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng trầm cảm và hỗ trợ nhân viên y tế trong việc đánh giá và quản lý các vấn đề sức khỏe tâm thần, đặc biệt là trầm cảm.

Chương II

NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC CHI

Điều 4. Nội dung và mức chi chung

1. Chi mua sắm thuốc (*bao gồm cả thuốc kháng vi rút HIV (ARV) cho bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS, thuốc điều trị lao cho bệnh nhân mắc lao không có thể BHYT hoặc chưa được BHYT thanh toán; thuốc Methadone cho bệnh nhân điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; thuốc điều trị bệnh nhân tâm thần và động kinh; Vitamin A*), vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng (*bao gồm cả vắc xin phòng bệnh ung thư cổ tử cung*), mẫu thực phẩm, trang thiết bị y tế, sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao, dụng cụ, vật dụng đặc thù, trang thiết bị; kiểm định, kiểm xạ, hiệu chuẩn trang thiết bị máy móc, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng tài sản phục vụ các hoạt động của Chương trình. Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật hiện hành về mua sắm.

2. Chi tiêu hủy các loại bơm kim tiêm, thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, vật tư, rác thải y tế độc hại, hóa chất hết hạn sử dụng (*nếu có*) thuộc Chương trình; tiêu hủy hàng vô chủ là thực phẩm, nguyên liệu, vật tư, hóa chất sản xuất, chế biến thực phẩm vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm (đã bao gồm thực phẩm giả, thực phẩm nhái, thực phẩm kém chất lượng, thực phẩm không đảm bảo an toàn) phát hiện trong các đợt kiểm tra, giám sát theo quyết định xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Mua nhiên liệu, hóa chất, vật tư dùng cho tiêu hủy (*nếu có*).

b) Thuê kho lưu giữ vật tư, hóa chất, mẫu bệnh độc phải thực hiện tiêu hủy.

c) Thuê máy móc, thiết bị phục vụ tiêu hủy (*nếu cần thiết*).

d) Thuê nhân công thực hiện việc tiêu hủy (*nếu có*), mức chi: bằng 1,5 mức lương tối thiểu vùng (*tính theo ngày*). Trường hợp phải thuê cơ quan, đơn vị khác thực hiện việc tiêu hủy, mức chi thực hiện theo hợp đồng, hóa đơn của đơn vị thực hiện tiêu hủy.

đ) Chi vận chuyển phục vụ tiêu hủy: thuốc, vắc xin, phương tiện tránh thai, mẫu bệnh phẩm, thực phẩm, nguyên liệu sản xuất, chế biến thực phẩm; vật tư, hóa chất phục vụ sản xuất, kinh doanh cần tiêu hủy; trang thiết bị, người tham gia phục vụ tiêu hủy. Mức chi theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

3. Chi vận chuyển hàng hóa, mẫu bệnh phẩm, mẫu xét nghiệm từ nơi lấy mẫu về cơ sở thực hiện xét nghiệm để phục vụ hoạt động chuyên môn của từng dự án, máy móc, trang thiết bị; chi phí đi lại của nhân viên y tế, dân số, người phục vụ, cộng tác viên và đối tượng trong các đợt khám sàng lọc, phát hiện và triển khai các chiến dịch:

a) Trường hợp đi lại, vận chuyển bằng các phương tiện công cộng: Mức hỗ trợ theo giá vé phương tiện vận tải công cộng.

b) Trường hợp vận chuyển theo đường bưu điện: Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ bưu chính hiện hành.

c) Trường hợp thuê phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc sử dụng phương tiện vận chuyển. Mức chi theo hợp đồng thuê phương tiện hoặc giấy biên nhận với chủ phương tiện (*có tính đến giá vận tải phương tiện khác đang thực hiện cùng thời điểm tại vùng đó*) trong phạm vi dự toán được giao.

d) Trường hợp tự túc phương tiện đi lại, vận chuyển đường bộ (nếu cần thiết): Mức hỗ trợ tối đa bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng (*bao gồm các hoạt động công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thuộc chương trình*).

đ) Trường hợp vận chuyển nhiều hàng hóa, trang thiết bị, mẫu bệnh phẩm và con người trên cùng một phương tiện thì mức thanh toán tối đa không quá mức quy định tại Khoản 3 Điều này.

4. Hỗ trợ người cho, lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu xét nghiệm, phân tích theo quy định về chuyên môn y tế để xác định các bệnh thuộc Chương trình trong các cuộc điều tra, thanh tra, kiểm tra, giám sát, bao gồm:

a) Hỗ trợ người lấy mẫu bệnh phẩm, vật phẩm và mẫu máu (*trừ mẫu dịch não tủy*): 7.000 đồng/mẫu.

b) Hỗ trợ người lấy mẫu dịch não tủy: 30.000 đồng/mẫu.

c) Hỗ trợ người cho mẫu máu tĩnh mạch: 30.000 đồng/mẫu; người cho mẫu máu mao mạch: 10.000 đồng/mẫu (*trừ mẫu giám sát, phát hiện HIV/AIDS*).

d) Hỗ trợ người vận chuyển mẫu dịch não tủy, đờm, dịch phế quản và các bệnh phẩm khác: 70.000 đồng/lần (*không quá 3 lần/ngày*).

đ) Chi bảo quản, mua mẫu, xét nghiệm, kiểm nghiệm mẫu, chụp X-quang, đo chức năng hô hấp, test phục hồi phế quản và các dịch vụ kỹ thuật y tế khác phục vụ hoạt động điều tra, sàng lọc, thống kê, giám sát của Chương trình. Mức chi thực hiện theo giá dịch vụ y tế của cơ sở y tế công lập được cơ quan có thẩm quyền quy định.

5. Chi hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện điều tra, thống kê, giám sát dịch tễ học, giám sát các bệnh tật, giám sát an toàn thực phẩm, giám sát dinh dưỡng, giám sát sức khỏe sinh sản, giám sát mất cân bằng giới tính khi sinh, giám sát bệnh tật bẩm sinh, giám sát hoạt động phòng chống lao, hen, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, giám sát điều kiện, vệ sinh trường học thuộc phạm vi của các Chương trình ngoài chế độ công tác phí quy định với mức hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày.

6. Hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện tư vấn, nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn bệnh nhân và người nhà bệnh nhân phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ tâm lý cho người bệnh hoặc hỗ trợ tổ chức các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ tại cộng đồng và

tại cơ sở y tế: 15.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 300.000 đồng/người tư vấn/tháng. Riêng tư vấn về an toàn thực phẩm, mức chi 30.000 đồng/cơ sở được tư vấn/lần tư vấn, tối đa 450.000 đồng/người tư vấn/tháng.

7. Hỗ trợ những người trực tiếp tham gia công tác khám sàng lọc, phát hiện, quản lý sàng lọc; khám chiến dịch và khám lưu động tại cộng đồng đối với các bệnh, các hoạt động thuộc Chương trình ngoài chế độ công tác phí hiện hành: Bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên: 60.000 đồng/người/ngày; Đối tượng khác trực tiếp phục vụ công tác khám sàng lọc: 40.000 đồng/người/ngày.

8. Khám sàng lọc phát hiện chủ động tại cộng đồng: bao gồm các hoạt động hội nghị tập huấn quy trình khám sàng lọc; vận chuyển thiết bị y tế tới điểm khám; Cơ sở hạ tầng các buổi khám sàng lọc; nhân lực tham gia khám sàng lọc; Vật tư y tế tiêu hao, văn phòng phẩm và các hoạt động cần thiết khác theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025.

9. Chi hoạt động truyền thông (*chi sản xuất, biên tập các chương trình, tọa đàm, phóng sự trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi, áp-phích, pa-nô, khẩu hiệu*); chi tổ chức mit tinh, tháng hành động; tổ chức hội nghị, hội thảo; đào tạo, tập huấn, sinh hoạt khoa học, sinh hoạt câu lạc bộ bệnh nhân...; hoạt động sơ kết, tổng kết chương trình; Chi ấn phẩm chuyên môn (*các biểu mẫu, sổ sách phục vụ hoạt động của chương trình*); chi tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về chính sách, pháp luật, kiến thức liên quan đến chương trình. Mức chi theo các quy định Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025.

10. Chi hỗ trợ cơ sở y tế thực hiện triển khai mô hình quản lý, phát hiện và ghi nhận bệnh nhân các bệnh không lây nhiễm (*đái tháo đường, tăng huyết áp, tai biến mạch não/đột quỵ não, nhồi máu cơ tim, ung thư, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản, sức khỏe tâm thần...*) theo quy định của Bộ Y tế, mức chi hỗ trợ 200.000 đồng/bệnh/cơ sở y tế/tháng để thực hiện các nội dung sau:

a) Lập phiếu đánh giá nguy cơ bệnh, lập phiếu ghi nhận, lập bảng phỏng vấn bệnh nhân (*nếu có*).

b) Lập hồ sơ bệnh án hoặc sổ theo dõi định kỳ bệnh nhân theo yêu cầu của chương trình.

c) Tư vấn phòng, chống các bệnh không lây nhiễm (*bao gồm cả hướng dẫn về tuân thủ điều trị và tư vấn chăm sóc sức khỏe*).

Điều 5. Hỗ trợ hoạt động phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến

1. Hỗ trợ hoạt động phòng, chống phong

a) Hỗ trợ cho nhân viên y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại cơ sở y tế: Mức hỗ trợ như sau:

- Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng: 200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

- Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng: 400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều.

b) Hỗ trợ cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán: 200.000 đồng/bệnh nhân.

c) Chi mua, sản xuất vật dụng đặc thù để trang cấp cho bệnh nhân phong theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế. Việc mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

d) Hỗ trợ cho bệnh nhân phong thuộc hộ nghèo:

- Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình: 650.000 đồng/bệnh nhân.

- Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật: 1.300.000 đồng/bệnh nhân.

2. Hỗ trợ hoạt động phòng, chống lao

a) Hỗ trợ cho nhân viên y tế làm công tác khám, xét nghiệm, chụp X-quang phát hiện nguồn lây chính tại cộng đồng và cơ sở y tế: Mức hỗ trợ: 30.000 đồng/bệnh nhân lao, lao kháng thuốc có bằng chứng vi khuẩn học/gen học.

- Hỗ trợ nhân viên y tế tại các điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/1 điểm kính hiển vi/1 tháng.

- Hỗ trợ nhân viên y tế hiện các xét nghiệm sàng lọc lao/lao tiềm ẩn tại cơ sở y tế: 5.000 đồng/mẫu; hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện xét nghiệm HIV cho bệnh nhân lao 5.000 đồng/mẫu.

b) Hỗ trợ cho nhân viên y tế tại các cơ sở y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân lao, lao kháng thuốc, lao tiềm ẩn điều trị đủ thời gian tại cộng đồng theo hướng dẫn của Bộ Y tế: 100.000 đồng/bệnh nhân lao tiềm ẩn/đợt điều trị; 200.000 đồng/bệnh nhân lao kháng thuốc/đợt điều trị 6-9 tháng; 400.000 đồng/bệnh nhân lao kháng thuốc/đợt điều trị 20 tháng; 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 6-24 tháng cho các thể lao còn lại.

3. Chi hỗ trợ hoạt động phòng, chống sốt rét và sốt xuất huyết ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật hiện hành gồm:

a) Hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện các xét nghiệm phát hiện bệnh sốt rét, sốt xuất huyết định loại véc tơ truyền bệnh: 5.000 đồng/mẫu. Xét nghiệm huyết thanh chẩn đoán sốt rét, sốt xuất huyết (*từ khâu lấy máu, vận chuyển đến bảo quản và xét nghiệm*): 25.000 đồng/mẫu. Xét nghiệm PCR, giải trình tự gen: 30.000 đồng/mẫu.

b) Hỗ trợ nhân viên y tế tại điểm kính hiển vi: 150.000 đồng/điểm kính hiển vi/tháng.

c) Chi trả công người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm: 130.000 đồng/người/đêm.

d) Chi trả công người trực tiếp phun, tắm hóa chất diệt muỗi: 300.000 đồng/người/ngày.

đ) Chi hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện nuôi cấy, phân lập vi rút: 40.000 đồng/mẫu; Chi trả công cho người trực tiếp thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường, diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình và trong các đợt tổ chức chiến dịch (không kể thành viên của hộ gia đình): 3.000 đồng/hộ/lần, tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

4. Hỗ trợ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS

a) Hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện tư vấn thường xuyên, đột xuất hàng tháng tại cơ sở xét nghiệm HIV: 100.000 đồng/người tư vấn/buổi tư vấn, tối đa 500.000 đồng/người tư vấn/tháng.

b) Hỗ trợ đối tượng có hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV cho mẫu máu, bệnh phẩm phục vụ giám sát, phát hiện nhiễm HIV/AIDS: 50.000 đồng/mẫu.

c) Chi triển khai can thiệp giảm tác hại và dự phòng lây nhiễm HIV

- Hỗ trợ nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ: 500.000 đồng/người/tháng. Nhân viên tiếp cận cộng đồng chưa được cấp thẻ vận động được đối tượng nguy cơ cao đi xét nghiệm có kết quả dương tính hoặc đồng ý đi điều trị thuốc kháng HIV thì được hỗ trợ số tiền 200.000 đồng/đối tượng. Trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được hưởng chế độ hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác thì không được hưởng chế độ hỗ trợ từ nguồn kinh phí Chương trình và ngược lại.

- Hỗ trợ sinh hoạt nhóm nhân viên tiếp cận cộng đồng hàng tháng: 1.200.000 đồng/nhóm/năm.

- Hỗ trợ một lần đối với thành viên tiếp cận cộng đồng có nhiều thành tích đóng góp trong công tác phòng, chống HIV/AIDS có hoàn cảnh khó khăn: 200.000 đồng/thành viên.

d) Hỗ trợ kinh phí đồng chi trả bảo hiểm y tế cho bệnh nhân tham gia điều trị bằng thuốc kháng vi rút HIV, xét nghiệm CD4 và xét nghiệm tải lượng vi rút HIV.

đ) Hỗ trợ xét nghiệm CD4 cho bệnh nhân HIV mới bắt đầu điều trị không có thẻ Bảo hiểm y tế.

5. Hỗ trợ hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần.

a) Hỗ trợ cho nhân viên y tế làm bảng hỏi Beck hoặc đánh giá trầm cảm khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế: 15.000 đồng/bảng hỏi.

b) Hỗ trợ cho nhân viên y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ

cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình: 150.000 đồng/xã/tháng.

c) Hỗ trợ nhân viên y tế tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng: 20.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực đồng bằng và thành thị, 25.000 đồng/bệnh nhân/tháng ở khu vực miền núi nhưng không quá 100.000 đồng/thôn, khu dân cư/tháng.

6. Hỗ trợ hoạt động phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản.

a) Hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện quy trình đo chức năng hô hấp test phục hồi phế quản tại cộng đồng: 10.000 đồng/lần đo.

b) Hỗ trợ nhân viên y tế tại các cơ sở hướng dẫn tập, phục hồi chức năng một lần cho bệnh nhân mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng: Mức hỗ trợ là 15.000 đồng/bệnh nhân hoặc 100.000 đồng/nhân viên y tế/ngày trong trường hợp hướng dẫn ít nhất từ 7 bệnh nhân trở lên tại cùng một địa điểm.

c) Hỗ trợ cho nhân viên y tế tại các cơ sở y tế trực tiếp cấp phát thuốc, kiểm tra, giám sát bệnh nhân hen, bệnh nhân phổi tắc nghẽn mạn tính điều trị ngoại trú theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế: 120.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị 03-12 tháng.

7. Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu Iốt.

a) Hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện quy trình lấy máu tĩnh mạch và ly tâm mẫu máu lấy huyết thanh xét nghiệm: 20.000 đồng/mẫu.

b) Hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện quá trình làm nghiệm pháp tăng đường máu: 5.000 đồng/mẫu.

c) Hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện khám siêu âm tuyến giáp trong điều tra, đánh giá, khảo sát: 10.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 6. Hỗ trợ hoạt động Tiêm chủng mở rộng

1. Hỗ trợ nhân viên y tế cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 08 liều theo quy định của Bộ Y tế về Chương trình Tiêm chủng mở rộng: 12.000 đồng/trẻ uống hoặc tiêm đủ liều.

2. Hỗ trợ nhân viên y tế tiêm vắc xin viêm gan B liều sơ sinh cho trẻ trong 24 giờ đầu sau sinh tại bệnh viện hoặc cơ sở y tế; tiêm một trong các loại vắc xin: viêm não Nhật Bản B, tả, thương hàn, sởi - rubella, DPT4 cho trẻ 18 tháng tuổi; cho trẻ tiêm/uống vắc xin trong các chiến dịch tiêm chủng bổ sung: 3.000 đồng/trẻ/liều (lần tiêm).

3. Hỗ trợ nhân viên y tế thực hiện tiêm đủ liều vắc xin uốn ván cho phụ nữ có thai và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ: 2.000 đồng/người được tiêm đủ liều.

4. Chi giám sát, điều tra liệt mềm cấp từ ngày phát hiện bệnh đến ngày thứ 60, lấy và chuyển bệnh phẩm theo quy định: 400.000 đồng/ca bệnh.

Điều 7. Hỗ trợ hoạt động Dân số và Phát triển

1. Chi mua phương tiện tránh thai theo danh mục do Bộ Y tế ban hành cấp miễn phí cho đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; đối tượng bảo trợ xã hội; người dân sống tại các xã, phường khi thành phố có tổng tỷ suất sinh trên 2,3 con.

2. Hỗ trợ thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội hoặc người chưa có thẻ Bảo hiểm y tế (*gồm khám, siêu âm, xét nghiệm cần thiết để sàng lọc, chẩn đoán trước sinh và sơ sinh theo quy trình chuyên môn y tế do Bộ trưởng Bộ Y tế quy định*). Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ khám, chữa bệnh hiện hành.

3. Hỗ trợ cập nhật thông tin về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình của cộng tác viên: 5.000 đồng/phiếu, mỗi phiếu gồm tối thiểu 05 hộ gia đình đã có thông tin tại Sổ ghi chép hoặc của một hộ gia đình mới.

4. Chi hỗ trợ khám sức khỏe trước khi kết hôn cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo: Mức hỗ trợ theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo quy định hiện hành.

5. Hỗ trợ hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: Chi triển khai mô hình, câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng, tại đơn vị nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe tập chung: 300.000 đồng/tháng.

6. Hỗ trợ hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng.

a) Hỗ trợ nhân viên y tế tư vấn, hướng dẫn và can thiệp các biện pháp phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại Trạm Y tế: 50.000 đồng/buổi, nhưng không quá 200.000 đồng/tháng/Trạm Y tế.

b) Hỗ trợ cộng tác viên, nhân viên y tế thôn, khu dân cư trực tiếp tư vấn, hướng dẫn phục hồi chức năng và can thiệp các biện pháp tự chăm sóc cho người khuyết tật hoặc hướng dẫn phục hồi chức năng và các biện pháp chăm sóc cho người nhà người khuyết tật tại gia đình: 30.000 đồng/lần/bệnh nhân, nhưng không quá 90.000 đồng/bệnh nhân.

c) Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình cho người khuyết tật: 650.000 đồng/bệnh nhân.

d) Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật: 1.300.000 đồng/bệnh nhân.

Điều 8. Hỗ trợ hoạt động An toàn thực phẩm

1. Chi cho hoạt động phân tích dữ liệu và báo cáo thông tin về ngộ độc thực phẩm: 2.600.000 đồng/vụ ngộ độc thực phẩm (*đối với vụ ngộ độc tập thể từ 20 người mắc trở lên*).

2. Hỗ trợ người trực tiếp điều tra, xử lý ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh lây truyền qua thực phẩm. Mức hỗ trợ như sau:

a) Tại khu vực lũ lụt, thiên tai, thảm họa, ổ bệnh dịch truyền qua thực phẩm: Mức chi 130.000 đồng/người/ngày.

b) Tại các khu vực, địa điểm khác: Mức chi 100.000 đồng/người/ngày.

Điều 9. Hỗ trợ hoạt động Quân dân y kết hợp

1. Hỗ trợ nhân viên y tế tại các cơ sở y tế được huy động tham gia công tác huấn luyện, diễn tập lực lượng quân dân y kết hợp nhằm đáp ứng yêu cầu can thiệp nhanh trong các tình huống khẩn cấp, mức chi 200.000 đồng/người/ngày.

2. Chi khám, chữa bệnh lưu động và theo chiến dịch cho các đối tượng chính sách, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố.

a) Hỗ trợ nhân viên y tế trực tiếp tham gia khám chữa bệnh: thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ tiền thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế: 300.000 đồng/người được khám bệnh, chữa bệnh./.